

VĂN BẢN HỢP NHẤT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 89/2026/VBHN-TT-NHNN

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn**

Thông tư số 14/2018/TT-NHNN ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 07 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 74/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

2. Thông tư số 36/2026/TT-NHNN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về điều hành công cụ chính sách tiền tệ và việc các tổ chức tín dụng Nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội do thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn¹.

¹ Thông tư số 74/2025/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh²

Thông tư này hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng³

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

Điều 3. Các biện pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn

1. Tái cấp vốn hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo các quy định về việc tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng.

2. Hỗ trợ qua công cụ dự trữ bắt buộc như sau:

a) Áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam thấp hơn so với tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

*“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;*

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.”

Thông tư số 36/2026/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về điều hành công cụ chính sách tiền tệ và việc các tổ chức tín dụng Nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội do thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.”

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

(sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) quy định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng trong từng thời kỳ theo tiêu chí quy định dưới đây:

i) Đối với tổ chức tín dụng có tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên tổng dư nợ tín dụng bình quân (sau đây gọi tắt là tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân) từ 70% trở lên: Tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo đề nghị của tổ chức tín dụng nhưng không thấp hơn một phần hai mươi (1/20) tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng với từng loại tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng đó;

ii) Đối với tổ chức tín dụng có tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân từ 40% đến dưới 70%: Tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo đề nghị của tổ chức tín dụng nhưng không thấp hơn một phần năm (1/5) tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng với từng loại tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với loại hình tổ chức tín dụng đó;

b) Tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ quy định tại điểm a Khoản này được áp dụng trong thời gian 6 tháng, cụ thể như sau:

i) Từ tháng 02 đến hết tháng 7 năm hiện hành (sau đây gọi là giai đoạn 1): Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân làm cơ sở xác định tổ chức tín dụng đáp ứng tiêu chí áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ được tính như sau:

$$C = \frac{(A1 + A2) / 2}{(B1 + B2) / 2} \times 100\%$$

Trong đó:

- C: Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân để làm cơ sở áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ từ tháng 02 đến hết tháng 7 năm hiện hành;

- A1, A2: Dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của tổ chức tín dụng đến cuối ngày 30/9, cuối ngày 31/12 của năm trước liền kề;

- B1, B2: Tổng dư nợ tín dụng của tổ chức tín dụng đến cuối ngày 30/9, cuối ngày 31/12 của năm trước liền kề;

ii) Từ tháng 8 năm hiện hành đến hết tháng 01 năm tiếp theo (sau đây gọi là giai đoạn 2): Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân làm cơ sở xác định tổ chức tín dụng đáp ứng tiêu chí áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ được tính như sau:

$$F = \frac{(D1 + D2) / 2}{(E1 + E2) / 2} \times 100\%$$

Trong đó:

- F: Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân để làm cơ sở áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ từ tháng 8 năm hiện hành đến hết tháng 01 năm tiếp theo;

- D1, D2: Dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của tổ chức tín dụng đến cuối ngày 31/3, cuối ngày 30/6 của năm hiện hành;

- E1, E2: Tổng dư nợ tín dụng của tổ chức tín dụng đến cuối ngày 31/3, cuối ngày 30/6 của năm hiện hành;

c) Đối với tổ chức tín dụng có tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân đạt mức từ 40% trở lên nhưng không có nhu cầu áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ quy định tại điểm a Khoản này thì không áp dụng các quy định về dự trữ bắt buộc tại Thông tư này.

3. Các biện pháp hỗ trợ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Thông báo áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này⁴

1. Tổ chức tín dụng xác định tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư này, trường hợp đáp ứng tiêu chí áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này, gửi văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ, trong đó nêu rõ mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ, cụ thể như sau:

a) Giai đoạn 1: Gửi văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ giai đoạn 1 theo Phụ lục I đính kèm Thông tư này trước ngày 15 tháng 01;

b) Giai đoạn 2: Gửi văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ giai đoạn 2 theo Phụ lục II đính kèm Thông tư này trước ngày 15 tháng 7.

2. Văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này được gửi bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Văn bản đề nghị được sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản (văn bản giấy hoặc văn bản điện tử) để thông báo cho tổ chức tín dụng về mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ áp dụng hoặc không chấp thuận áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo đề nghị của tổ chức tín dụng và nêu rõ lý do không chấp thuận. Thời hạn thông báo như sau:

a) Giai đoạn 1: Trước ngày 30 tháng 01;

b) Giai đoạn 2: Trước ngày 30 tháng 7.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Khi có nhu cầu vốn cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn, tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cho vay tái cấp vốn theo các quy định hiện hành.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

2. Trường hợp đáp ứng tiêu chí và có nhu cầu áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này, tổ chức tín dụng có văn bản đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng⁵) theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

3.⁶ Báo cáo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp và hợp lệ của số liệu tổng dư nợ tín dụng, dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để làm căn cứ áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ quy định tại Thông tư này; giải trình bằng văn bản về các số liệu này trong trường hợp nhận được văn bản yêu cầu giải trình của Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng⁷).

4. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1.⁸ Vụ Tín dụng⁹:

a) Trên cơ sở văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng, có văn bản đề nghị Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (trong trường hợp tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực) cung cấp thông tin được phát hiện qua công tác thanh tra, giám sát liên quan đến tính chính xác của số liệu dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng;

b) Trường hợp nhận được thông tin từ Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại khoản 2, điểm a khoản 2a, điểm a khoản 4 Điều này, xem xét việc yêu cầu tổ chức tín dụng giải trình về tính chính xác của các số liệu tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ;

c) Trên cơ sở văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng, thông tin được cung cấp tại khoản 2, điểm a khoản 2a, điểm a

⁵ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

⁷ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

⁹ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

khoản 4 Điều này (nếu có) và văn bản giải trình của tổ chức tín dụng (nếu có), Vụ Tín dụng¹⁰ xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt và có văn bản đề thông báo cho tổ chức tín dụng về mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ áp dụng hoặc không chấp thuận áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này, đồng thời gửi Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính (hoặc nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở) và các đơn vị liên quan để thực hiện.

2.¹¹ Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Tín dụng¹² quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản cung cấp thông tin được phát hiện qua công tác giám sát liên quan đến tính chính xác của số liệu dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng trong trường hợp có thông tin này.

2a.¹³ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Tín dụng¹⁴ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có văn bản cung cấp thông tin được phát hiện qua công tác thanh tra liên quan đến tính chính xác của số liệu dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng trong trường hợp có thông tin này;

b) Thanh tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với việc tổ chức tín dụng báo cáo số liệu đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này.

3. Các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấp vốn và các biện pháp khác để hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định và quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

¹⁰ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026

¹² Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

¹⁴ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

4.¹⁵ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính (hoặc nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở):

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Tín dụng¹⁶ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản cung cấp thông tin được phát hiện qua công tác thanh tra, giám sát liên quan đến tính chính xác của số liệu dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trong trường hợp có thông tin này;

b) Thanh tra, giám sát, xử lý theo thẩm quyền đối với việc tổ chức tín dụng báo cáo số liệu đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này; theo dõi, phối hợp cùng với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước trong việc triển khai thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành¹⁷

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2018.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 20/2010/TT-NHNN ngày 29 tháng 9 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn;

b) Công văn số 854/NHNN-TD ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư 20/2010/TT-NHNN;

c) Quyết định số 582/2003/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 6 năm 2003 của

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

¹⁶ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁷ Điều 7 và Điều 8 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 7. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.”

Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026./.”

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước về việc điều chỉnh dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng đang áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo quy định tại Thông tư số 20/2010/TT-NHNN ngày 29 tháng 9 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc này đến hết tháng 7 năm 2018.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

PHỤ LỤC I¹⁸

(Ban hành kèm theo Thông tư số 74/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Số:.....

ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 1
(từ tháng 02 đến hết tháng 7 năm hiện hành (năm t))

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Qua Vụ Tín dụng¹⁹)

Tên tổ chức tín dụng:.....

Số định danh của tổ chức tín dụng:.....

Tổ chức tín dụng báo cáo số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân và đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau:

1. Số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân

	Dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (triệu đồng)	Tổng dư nợ tín dụng (triệu đồng)	Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân (%)
1. Dư nợ			
Đến cuối ngày 30/9 năm trước liền kề (năm (t-1))	A1	B1	
Đến cuối ngày 31/12 năm trước liền kề (năm (t-1))	A2	B2	
2. Bình quân	$A=(A1+A2)/2$	$B=(B1+B2)/2$	$C=A/B \times 100\%$

2. Tổ chức tín dụng đề nghị áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau (nêu rõ mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 14/2018/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung):....

..., ngày..... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

¹⁸ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

¹⁹ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

PHỤ LỤC II²⁰

(Ban hành kèm theo Thông tư số 74/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Số:.....

ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2

(từ tháng 8 năm hiện hành (năm (t)) đến hết tháng 01 năm tiếp theo (năm (t+1)))

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Qua Vụ Tín dụng²¹)

Tên tổ chức tín dụng:.....

Số định danh của tổ chức tín dụng:.....

Tổ chức tín dụng báo cáo số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân và đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau:

1. Số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân

	Dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (triệu đồng)	Tổng dư nợ tín dụng (triệu đồng)	Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân (%)
1. Dư nợ			
Đến cuối ngày 31/3 năm hiện hành (năm (t))	D1	E1	
Đến cuối ngày 30/6 năm hiện hành (năm (t))	D2	E2	
2. Bình quân	$D=(D1+D2)/2$	$E=(E1+E2)/2$	$F=D/E \times 100\%$

2. Tổ chức tín dụng đề nghị áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau (nêu rõ mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 14/2018/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung):....

²⁰ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 74/2025/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

²¹ Cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng” theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

..., ngày..... tháng... năm....
Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026

KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn